

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VP
V/v công khai danh mục thủ tục
hành chính thuộc thẩm quyền giải
quyết của ngành Tư pháp

Gia Lộc, ngày tháng 11 năm 2023

Kính gửi:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, phòng Tư pháp, Bộ phận Một cửa huyện, UBND các xã, thị trấn:

1. Danh mục thủ tục hành chính và Quyết định số 2676/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh được công khai trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Hải Dương tại địa chỉ <https://dichvucong.haiduong.gov.vn> và Trang thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ <http://www.gialoc.haiduong.gov.vn>.

2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn niêm yết, công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã và Trang thông tin điện tử cấp xã danh mục 01 thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; 12 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp và Quyết định số 2683/QĐ-BTP ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

3. Phòng Tư pháp niêm yết công khai và tổ chức tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện 02 thủ tục hành chính thực hiện tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, 14 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện. Nội dung thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Bộ

trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp và Quyết định số 2683/QĐ-BTP ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Giao Phòng Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra nội dung thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã và kiểm tra việc giải quyết TTHC lĩnh vực Tư pháp đảm bảo đúng quy định.

Nhận được công văn, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Đài truyền thanh huyện;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Vũ Văn Cấp

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH,
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Công văn số /UBND-VP ngày tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ

STT	Tên THC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH <i>(được công bố tại Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20/10/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp)</i>					
1	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Ngay sau khi nhận được yêu cầu; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.	8.000 đồng/bản sao Trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ); - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ); - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch việt nam, phí xác nhận là người gốc việt nam, lệ phí quốc tịch (Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính);

STT	Tên THC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của luật hộ tịch và nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp); - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp); - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).</i>

STT	Tên THC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày làm việc. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.	8000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.	- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp.</i>

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (được công bố theo Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20/10/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp)					
1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài.	Ngay sau khi nhận được yêu cầu; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh đối với trẻ em sinh ra ở Việt Nam trong các trường hợp: + Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch. + Có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú ở trong nước còn người kia là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài. + Có cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài. + Có cha và mẹ là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của trẻ em có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là công dân Việt Nam, thực hiện đăng ký khai sinh đối	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Bộ Tư pháp) ; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công (Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ); - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			với trẻ em sinh ra ở nước ngoài, chưa được đăng ký khai sinh, về cư trú tại Việt Nam.		28/5/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định 1123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp); - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính Phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp); - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về cơ sở dữ liệu hộ</i>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp) - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQHĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương); - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hải Dương (Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<i>nhân dân tỉnh Hải Dương).</i>
2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên.	1.000.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 500.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>
3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài.	Ngay sau khi nhận được yêu cầu; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú cuối cùng của người chết. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết.	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng;	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày</i>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		việc).		người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài.	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người được nhận là cha, mẹ, con.	1.000.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 500.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
5	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước	05 ngày làm việc đối với việc đăng ký giám hộ cử, 03 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người	55.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	ngoài.	làm việc đối với việc đăng ký giám hộ đương nhiên.	giám hộ.	trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến); * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>
6	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài.	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ theo quy định.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký giám hộ.	55.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.	- Đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch: Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo qui định. - Đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc: 03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của người nước ngoài giải quyết việc cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch của người nước ngoài đã đăng ký hộ tịch tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây giải quyết việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc nơi cư trú của cá nhân giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư	25.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 12.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí trong những trường hợp sau: người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Bộ luật Dân sự; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			trú trong nước; xác định lại dân tộc. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký khai tử trước đây thực hiện việc cải chính nội dung đăng ký khai tử trong Trích lục khai tử hoặc Giấy chứng tử. Trường hợp thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc mà việc hộ tịch trước đây được đăng ký tại Sở Tư pháp thì thẩm quyền giải quyết được xác định như sau: + Trường hợp người yêu cầu là công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh thực hiện thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; + Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam thì Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người đó thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			+ Trường hợp người yêu cầu là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thì Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở của Sở Tư pháp đã đăng ký việc hộ tịch trước đây thực hiện cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch.		
8	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam.	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
9	Ghi vào sổ	12 ngày kể từ ngày	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết	55.000 đồng/ lần	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	quả cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn hoặc ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn trước đây thực hiện ghi chú ly hôn. Trường hợp việc kết hôn hoặc ghi chú việc kết hôn trước đây thực hiện tại Sở Tư pháp thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam thực hiện. - Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên thực hiện. - Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh của công dân Việt Nam thực hiện. Công dân Việt Nam từ nước ngoài về thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi chú ly hôn mà	(đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Cơ quan đại diện hoặc tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi công dân Việt Nam thường trú thực hiện. - Công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có yêu cầu ghi chú ly hôn để kết hôn mới mà việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Cơ quan đại diện hoặc tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thì việc ghi chú ly hôn do Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi tiếp nhận hồ sơ kết hôn mới thực hiện. - Trường hợp công dân Việt Nam không thường trú tại Việt Nam có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn để làm thủ tục đăng ký kết hôn mới tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc nơi đăng ký kết hôn mới.		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).	Ngay sau khi nhận được yêu cầu; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo (nếu phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện.	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>
11	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký khai sinh trước đây thực hiện đăng ký lại khai sinh; Trường hợp việc khai sinh trước	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020;

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).	đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên; Trường hợp khai sinh trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì việc đăng ký lại khai sinh thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu; nếu người đó không cư trú tại Việt Nam thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp thực hiện.	trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>
12	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú trước khi xuất cảnh của người Việt Nam định cư tại nước ngoài.	55.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
13	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài.	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đã đăng ký kết hôn trước đây; Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên thực hiện; Trường hợp việc kết hôn trước đây được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu thực hiện; nếu người đó không cư trú tại Việt Nam thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp.	1.000.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 500.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
14	Đăng ký lại khai tử có	05 ngày làm việc; trường hợp phải tiến	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi đăng ký khai	55.000 đồng/lần (đối với trường	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	yếu tố nước ngoài.	hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	tử cho người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư tại nước ngoài trước đây thực hiện việc đăng ký lại khai tử; Trường hợp việc đăng ký khai tử trước đây thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện cấp trên thực hiện đăng ký lại khai tử; Trường hợp việc đăng ký khai tử trước đây thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Tư pháp thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi cư trú của người yêu cầu thực hiện; nếu người yêu cầu không cư trú tại Việt Nam thì thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp.	hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 27.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (được công bố theo Quyết định số 2466/QĐ-BTP ngày 20/10/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tư pháp)					
1	Đăng ký khai sinh.	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi. - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.	Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Bộ luật Dân sự; - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
2	Đăng ký kết hôn.	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	Miễn lệ phí	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày
STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý

		sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.			15/11/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con.	Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc; trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài thêm không quá 05 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	10.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>
4	Đăng ký	Ngay trong ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	5.000 đồng/ lần	- Luật Hộ tịch năm 2014;
STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý

	khai tử.	tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	cấp xã.	(đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp sau: - Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật; - Đăng ký khai tử đúng hạn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>
5	Đăng ký giám hộ.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	Miễn lệ phí.	- Bộ luật dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày
STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý

					28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023.</i>
6	Đăng ký chấm dứt giám hộ.	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	Miễn lệ phí.	- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023.</i>
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ đối với yêu cầu thay đổi, cải	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	10.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày
STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý

	hộ tịch.	chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 03 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.		đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>
8	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.	Thời hạn giải quyết là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh thì thời hạn xác minh 20 ngày không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.	10.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến) * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022;
STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý

				thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
9	Đăng ký lại khai sinh.	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thường trú.	5.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023; - Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; - Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.
10	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký khai sinh thường trú.	5.000 đồng/ lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 2.500	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày
STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý

	sơ, giấy tờ cá nhân.	quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).		đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch trong những trường hợp: Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>
11	Đăng ký lại kết hôn.	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết là 08 ngày làm việc (không tính thời gian xác minh 20 ngày).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc nơi người yêu cầu đăng ký lại kết hôn thường trú.	25.000 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); 12.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>
12	Đăng ký lại	Trong thời hạn 05	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	5.000 đồng/lần	- Luật Hộ tịch năm 2014;

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	khai tử.	ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	cấp xã nơi đã đăng ký khai tử trước đây.	(đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); là 2.500 đồng/lần (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến). * Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022; - <i>Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023;</i> - <i>Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023.</i>